

Số: 5246 /QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 15 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập
học kỳ 1, năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy và các văn bản có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 4588/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng Trường ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ; Nghị quyết số 181/NQ-HĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết số 185/NQ-HĐT ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng Trường về sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quy định về công tác học vụ dành cho sinh viên bậc đại học và cao đẳng hệ chính quy, ban hành kèm theo Quyết định số 3266/QĐ-ĐHCT, ngày 15/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 3530/QĐ-ĐHCT, ngày 31/07/2025 về định mức học bổng khuyến khích học tập áp dụng từ học kỳ 1, năm học 2025-2026; Quyết định 3859/QĐ-ĐHCT ngày 14/08/2025 về việc phân bổ học bổng khuyến khích áp dụng từ học kỳ 1, năm học 2025-2026;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện học kỳ 3 năm học 2024-2025;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ 1, năm học 2025-2026 cho 64 sinh viên chính quy khóa 47 thuộc các chương trình đào tạo 4,5 và 5 năm đang theo học tại Trường Đại học Cần Thơ:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Mức học bổng khuyến khích được chi trả theo quy định hiện hành. Thời gian cấp học bổng là học kỳ 1, 2025-2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Trường Đại học Cần Thơ, các Trưởng phòng: Công tác Sinh viên, Đào tạo, Tài chính; Thủ trưởng các đơn vị và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PCTSV, T.04.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Trung Tính

DANH SÁCH HỌC BỔNG
Học Kỳ 1 - Năm Học 2025 - 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5246 /QĐ-ĐHCT, ngày 15 / 10 /2025)

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
1. Lớp: DA2166T2								
1	B2102350	Nguyễn Minh Ngọc	16	72	3.37	Khá	9.350.000	
2	B2109287	Lê Khả Vân	15	82	4	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							20.570.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.952.000 đồng								
2. Lớp: NN2108F1								
1	B2107513	Hoàng Thị Tuyết Sương	12	94	3.92	Xuất sắc	13.090.000	
Cộng lớp:							13.090.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 25.432.000 đồng								
3. Lớp: NN2108F2								
1	B2107433	Dương Nhã Vy	12	97	3.67	Xuất sắc	13.090.000	
2	B2107510	Hồng Nguyệt Phụng	14	88	3.33	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							24.310.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 23.188.000 đồng								
4. Lớp: NN21U5A1								
1	B2111151	Nguyễn Mộng Huỳnh	14	94	3.5	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							9.050.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 10.857.600 đồng								
5. Lớp: DI2195A1								
1	B2103437	Nguyễn Tiền Phương	15	95	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2110019	Trần Hà Ngọc Mỹ	15	93	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng								
6. Lớp: DI2195A2								
1	B2103473	Nguyễn Thanh Quy	15	80	4	Giỏi	9.050.000	
2	B2103480	Huỳnh Minh Thường	18	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.715.200 đồng								
7. Lớp: DI2196A1								
1	B2110090	Nguyễn Huỳnh Như	15	77	4	Khá	7.540.000	
2	B2110104	Trần Nguyễn Thị Minh Thùy	15	92	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.302.400 đồng								
8. Lớp: DI2196A2								
1	B2103542	Huỳnh Giao	15	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2103561	Đỗ Văn Sướng	15	77	4	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 19.905.600 đồng								

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
9. Lớp: DI21T9A1								
1	B2104770	Huỳnh Như Huệ	15	80	4	Giỏi	9.050.000	
2	B2110941	Nguyễn Hoàng Kim Khoa	18	87	4	Giỏi	9.050.000	
3	B2110943	Cao Mai Diệu Linh	15	86	3.5	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							27.150.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng								
10. Lớp: DI21T9A2								
1	B2110960	Nguyễn Gia Bảo	18	84	3.92	Giỏi	9.050.000	
2	B2113242	Nguyễn Công Trí	18	72	3.92	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							16.590.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.286.400 đồng								
11. Lớp: DI21V7A1								
1	B2105559	Huỳnh Tú Tài	15	94	4	Xuất sắc	10.560.000	
2	B2111793	Lê Trần Phạm Anh Ha	18	99	3.92	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							21.120.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.715.200 đồng								
12. Lớp: DI21V7A2								
1	B2105571	Trần Tấn Đạt	15	67	4	Khá	7.540.000	
2	B2111838	Nguyễn Anh Hào	15	100	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.112.000 đồng								
13. Lớp: DI21Y1A1								
1	B2111806	Nguyễn Trần Tiểu Lam	15	80	4	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							9.050.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.238.400 đồng								
14. Lớp: DI21Z6A1								
1	B2113306	Kim Khánh Đăng	19	87	3.47	Giỏi	9.050.000	
2	B2113394	Nguyễn Minh Tâm	15	99	4	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.683.200 đồng								
15. Lớp: DI21Z6A2								
1	B2113328	Lê Tuấn Đạt	15	77	4	Khá	7.540.000	
2	B2113329	Nguyễn Hoàng Điền	15	88	4	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							16.590.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.492.800 đồng								
16. Lớp: HG21V7A1								
1	B2111899	Ngô Thanh Thùy	15	92	3.5	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							9.050.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 12.064.000 đồng								
17. Lớp: MT2157A1								
1	B2109059	Trần Nhựt Duy	14	80	3.5	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							9.050.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 10.254.400 đồng								
18. Lớp: NN2119A1								
1	B2101157	Nguyễn Huỳnh Trung Kiên	18	67	3.78	Khá	7.540.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							7.540.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.048.000 đồng								
19. Lớp: NN2167A2								
1	B2109373	Tô Nhật Minh	12	84	3.75	Giỏi	9.050.000	
2	B2109382	Lưu Minh Quân	12	94	3.79	Xuất sắc	10.560.000	
Cộng lớp:							19.610.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 22.921.600 đồng								
20. Lớp: NN21V8A1								
1	B2112070	Nguyễn Văn Thà	13	67	3.38	Khá	6.800.000	
Cộng lớp:							6.800.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 10.336.000 đồng								
21. Lớp: NN21X8A1								
1	B2106519	Đoàn Ngọc Trang	14	69	4	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							7.540.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.508.800 đồng								
22. Lớp: NN21X9A1								
1	B2113163	Trần Thanh Oanh	14	67	4	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							7.540.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.048.000 đồng								
23. Lớp: TN21S5A1								
1	B2101857	Nguyễn Hoàng Long	14	80	3.18	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							7.540.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.238.400 đồng								
24. Lớp: TN21T1A1								
1	B2110348	Đặng Toàn Thắng	18	67	3.28	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							7.540.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 12.064.000 đồng								
25. Lớp: TN21T4A1								
1	B2104240	Mã Nhựt Minh	20	79	3.25	Khá	7.540.000	
2	B2110440	Vũ Nhật Huy	14	67	4	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							15.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.286.400 đồng								
26. Lớp: TN21T5A1								
1	B2110500	Ngô Hồng Thanh	15	79	3.5	Khá	7.540.000	
2	B2110508	Nguyễn Hữu Tường	15	67	3.5	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							15.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 12.667.200 đồng								
27. Lớp: TN21T6A1								
1	B2104418	Nguyễn Thành Đạt	17	85	3.59	Giỏi	9.050.000	
2	B2110659	Lê Quốc Thành	14	85	3.5	Giỏi	9.050.000	
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 16.286.400 đồng								
28. Lớp: TN21T6A2								
1	B2104520	Võ Thị Tú Trinh	15	82	3.87	Giỏi	9.050.000	
2	B2110676	Nguyễn Phúc Vĩ Khang	19	80	3.79	Giỏi	9.050.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							18.100.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 18.699.200 đồng								
29. Lớp: TN21T7A1								
1	B2110750	Trương Gia Vỹ	19	69	3.32	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							7.540.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 13.873.600 đồng								
30. Lớp: TN21T7F1								
1	B2110842	Phạm Tuấn Khôi	12	67	3.92	Khá	9.350.000	
2	B2110845	Lê Gia Linh	12	95	3.5	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							20.570.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 21.692.000 đồng								
31. Lớp: TN21T7F2								
1	B2110849	Võ Kim Ngân	12	95	3.5	Giỏi	11.220.000	
2	B2110877	Đặng Nguyễn Huyền Trân	13	89	3.81	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							22.440.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 20.944.000 đồng								
32. Lớp: TN21T8A1								
1	B2104749	Nguyễn Thành Quý	20	77	3.7	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							7.540.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 10.857.600 đồng								
33. Lớp: TN21V6A1								
1	B2111658	Hà Võ Trúc Lam	17	70	3.74	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							7.540.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 9.048.000 đồng								
34. Lớp: TN21V6A2								
1	B2111693	Trương Hồng Bảo	16	67	3.88	Khá	7.540.000	
2	B2113397	Lâm Hiếu Kiên	14	67	4	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							15.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 13.873.600 đồng								
35. Lớp: TN21V6F1								
1	B2111759	Phù Nguyễn Xuân Mai	14	74	3.86	Khá	9.350.000	
2	B2111784	Dương Trần Tường Vi	15	100	3.35	Giỏi	11.220.000	
Cộng lớp:							20.570.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 24.684.000 đồng								
36. Lớp: TN21Y8A1								
1	B2106577	Nguyễn Tuấn Kiệt	12	67	3.67	Khá	7.540.000	
2	B2113198	Trương Minh Phương	14	70	4	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							15.080.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 15.080.000 đồng								
37. Lớp: TN21Y8A2								
1	B2113235	Lê Thanh Việt Tân	15	67	3.33	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							7.540.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 7.238.400 đồng								
38. Lớp: TN21Z5A1								
1	B2113268	Nguyễn Chí Thành	14	90	4	Xuất sắc	10.560.000	

Stt	Mã SV	Họ và tên	TC thực học	Điểm RL	Điểm TB	Xếp loại học bổng	HBKK (đồng/HK)	Ghi chú
Cộng lớp:							10.560.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 12.667.200 đồng								
39. Lớp: TS2113A1								
1	B2100908	Nguyễn Thanh Tân	15	75	4	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							7.540.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 6.635.200 đồng								
40. Lớp: TS2113T1								
1	B2107804	Trần Đại Tỷ	18	72	2.83	Khá	9.350.000	
Cộng lớp:							9.350.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 17.204.000 đồng								
41. Lớp: TS2176A1								
1	B2109640	Nguyễn Quốc Vương	16	67	3.5	Khá	7.540.000	
Cộng lớp:							7.540.000	
Quỹ học bổng khuyến khích: 11.460.800 đồng								

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ